

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa,
nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Sông Mã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông

tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 171/TTr-SXD ngày 16/5/2025, Thông báo kết quả thẩm định 1314/SXD-QLXD ngày 15/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Sông Mã, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Sông Mã.

2. Địa điểm xây dựng: Huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Trường THPT Sông Mã.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo KT-KT: Công ty TNHH Hùng Dũng Tây Bắc; địa chỉ: số nhà 04, đường Chu Văn An, nhánh 2, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

6. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Công tác cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhằm đảm bảo và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo qui định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác sử dụng. Tăng hiệu quả sử dụng, chống xuống cấp công trình và hoàn thiện cơ sở vật chất một cách toàn diện theo tiêu chuẩn đảm bảo duy trì hoạt động của đơn vị.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (số 3); nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (số 4) và các hạng mục phụ trợ.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

8.2.1. Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (số 3), diện tích xây dựng 407m², tổng diện tích sàn 791m².

- Bóc dỡ lớp chống thấm sê nô mái hiện trạng; lăn dung dịch chống thấm chuyên dụng, láng lại bằng vữa xi măng mác 75;

- Dỡ bỏ hệ thống đường ống thoát nước mái hiện trạng, thay thế bằng hệ thống thoát nước mới đồng bộ phụ kiện kèm theo;

- Cải tạo phòng hội trường tầng 1 thành 02 phòng học:

+ Tại vị trí trục (9)/(C)÷(E): Xây bổ sung tường ngăn bằng gạch vữa xi măng mác 50, trát ngoài vữa xi măng mác 50, bả bột bả, lăn sơn hoàn thiện 03 nước;

+ Xây mới bổ sung 02 bức giăng tại khu vực trục (9)/(C)÷(E), (11)/(C)÷(E).

- Bóc bỏ khoảng 20% diện tích lớp vữa trát tường trong, ngoài nhà, cột; khoảng 10% diện tích lớp vữa trát dầm, trần và các chi tiết khác; trát lại bằng vữa xi măng mác 75; phần diện tích còn lại tường, cột, dầm, trần và các chi tiết khác được cao bỏ lớp sơn hiện trạng. Toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, trần và các chi tiết kiến trúc sau khi cao, trát lại được bả bột bả, lăn sơn 03 nước;

- Bóc dỡ toàn bộ gạch lát nền, sàn tầng 1 và tầng 2; riêng nền tầng 1 được bóc dỡ khoảng 20% lớp bê tông nền hiện trạng, đổ lại nền bằng bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150); toàn bộ nền, sàn được lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm;

- Sửa chữa, thay thế lại hệ thống điện (*tính toán lại công suất đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành*);

- Bóc dỡ lớp granito mặt bậc, cổ bậc, chiếu nghỉ khu vực thang bộ, bậc tam cấp hiện trạng; ốp, lát lại bằng đá granite mới;

- Cao bỏ lớp gỉ sét trên bề mặt thép lan can hàng lang; sơn lại bằng sơn tổng hợp 03 nước;

- Bổ sung, thay thế hệ thống PCCC trong nhà (*bình cứu hoả MFZ24; hộp bình cứu hoả; bảng nội quy, tiêu lệnh chữa cháy*) đáp ứng yêu cầu PCCC;

- Các chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trình được thẩm định.

8.2.2. *Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (số 4), diện tích xây dựng 260m², tổng diện tích sàn 500m².*

- Tháo dỡ, thay thế toàn bộ mái tôn hiện trạng bằng mái tôn mới dày 0,4mm; lắp dựng lại hệ thống thu sét mới;

- Sửa chữa tường thu hồi, giăng thu hồi, xà gồ mái theo yêu cầu sử dụng;

- Bóc bỏ khoảng 30% diện tích lớp vữa trát tường trong, ngoài nhà, cột; khoảng 20% diện tích lớp vữa trát dầm, trần và các chi tiết khác; trát lại bằng vữa xi măng mác 75; phần diện tích còn lại tường, cột, dầm, trần và các chi tiết khác được cao bỏ lớp sơn hiện trạng. Toàn bộ diện tích tường, cột, dầm, trần và các chi tiết kiến trúc sau khi cao, trát lại được bả bột bả, lăn sơn 03 nước;

- Bóc dỡ toàn bộ gạch lát nền, sàn tầng 1 và tầng 2; riêng nền tầng 1 được bóc dỡ khoảng 30% lớp bê tông nền hiện trạng, đổ lại nền bằng bê tông cấp độ bền B12,5 (mác 150); sàn tầng 2 được bóc dỡ hết lớp vữa xi măng lát sàn (*do bù phụ cao hơn cốt sàn hành lang*); toàn bộ nền, sàn được lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm;

- Tháo dỡ cửa đi, cửa sổ, hoa sắt hiện trạng; đục mở để tăng chiều cao kích thước cửa đi, cửa sổ; bổ sung lanh tô; cao, trát lại má cửa bằng vữa xi măng mác 75, bả bột bả lăn sơn hoàn thiện 03 nước. Lắp dựng lại cửa đi, cửa sổ, hoa sắt bằng cửa khuôn nhôm, kính dày 6,38mm, hoa sắt inox vuông (15x15x1,5)mm;

- Bóc dỡ lớp gạch mặt bậc, cổ bậc, chiếu nghỉ khu vực thang bộ, bậc tam cấp hiện trạng; ốp, lát lại bằng đá granite mới;

- Dỡ bỏ lan can hành lang, cầu thang hiện trạng (*do không đảm bảo theo tiêu chuẩn*); thay thế bằng lan can inox mới;
- Sửa chữa, thay thế lại hệ thống điện (*tính toán lại công suất đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành*);
- Bổ sung, thay thế hệ thống PCCC trong nhà (*bình cứu hoả MFZ24; hộp bình cứu hoả; bảng nội quy, tiêu lệnh chữa cháy*) đáp ứng yêu cầu PCCC;
- Các chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được thẩm định.

8.2.3. Các hạng mục phụ trợ

8.2.3.1. Kè bê tông cốt thép, kè đá học, sân bê tông khu vực tiếp giáp kè, rãnh thoát nước đỉnh kè.

- Kè bê tông cốt thép có tổng chiều dài 56,61m: Dỡ bỏ kè xây đá học, tường rào trên đỉnh kè hiện trạng (*do bị hư hỏng, sụt lún có nguy cơ ảnh hưởng tới mất an toàn chịu lực kết cấu công trình*); thay thế đoạn kè, tường rào hiện trạng trên đỉnh kè sau khi phá dỡ bằng kè chắn đất bê tông cốt thép, lan can đỉnh. Kết cấu kè, lan can có cấu tạo như sau:

+ Tuyến kè xây dựng theo hình thức tường bản sườn kết cấu bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mức 250*). Kè bản sườn có chiều cao $H = 5,5\text{m}$, trong đó tường kè cao $H_{\text{tường}} = 5\text{m}$, dày $t = (0,3 \div 0,6)\text{m}$; chiều rộng bản đáy $B_{\text{đáy}} = 3\text{m}$, chiều dày $0,5\text{m}$, kết cấu bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (*mức 250*); lớp lót đáy móng bằng bê tông cấp độ bền B7,5 (*mức 100*) dày 10cm . Lưng tường bố trí thoát nước bằng 02 hàng lỗ bằng ống thép mạ kẽm $d = 60\text{mm}$ có kết hợp bố trí tầng lọc ngược bằng cát, đá dăm lọc; bố trí 19 sườn với khoảng cách trung bình 3m/sườn nhằm tăng cứng và độ ổn định cho kè; bề dày sườn lựa chọn bảo đảm an toàn $t_s = 0,20\text{m}$; cốt thép trong kè sử dụng 02 loại: Cốt thép có đường kính $D < 10$ dùng loại CB240T, cốt thép đường kính $D \geq 10$ dùng loại CB300-V.

+ Đỉnh tường kè bố trí lan can bảo vệ, kết cấu lan can bằng hệ thép định hình tổ hợp liên kết hàn.

- Kè đá học tổng chiều dài 11m (*phần tiếp giáp với khu vệ sinh, vuông góc đầu nối với kè bê tông cốt thép xây mới*): Móng, thân kè xây bằng đá học vữa xi măng mác 75; phía sau lưng kè thiết kế tầng lọc ngược, đặt ống thoát $\Phi 76\text{mm}$ nước phòng tránh ứ đọng nước sau kè;

- Sân bê tông (*khu vực tiếp giáp kè bê tông cốt thép*): Diện tích khoảng $402,2\text{m}^2$; sau khi thực hiện công tác san gạt, đắp đất sau kè bê tông cốt thép, phần nền đất tiếp giáp khu vực kè được phủ kín bề mặt sân bằng bê tông xi măng để tránh ứ đọng nước; sân có cấu tạo: Nền dãi cát đầm chặt dày 20cm , đổ bê tông cấp độ bền B12,5 (*mức 150*) dày 10cm ,

- Rãnh thoát nước sau kè: Chiều dài 60m , mục đích thu nước mặt sân bê tông khu vực kè. Rãnh xây mới có đáy rãnh bằng bê tông cấp độ bền B12,5 (*mức 150*); thành rãnh xây bằng gạch vữa xi măng mác 50; trát, láng thành và đáy rãnh bằng vữa xi măng mác 75; nắp tấm đan đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mức 200*);

8.2.3.2. *Sửa chữa sân, cổng, tường rào, hè, rãnh, bậc lên xuống ngoài nhà, bồn cây.*

- Sửa chữa sân bê tông (*sân phía sau nhà lớp học số 3 để đồng bộ với các sân lát gạch giả đá hiện trạng đã có*): Diện tích 763m², tạo xờm lớp mặt bê tông hiện trạng, đổ bù phụ khoảng 30% tổng diện tích sân, lát bổ sung bề mặt sân hiện trạng bằng lớp gạch giả đá kích thước (40x40x4,5)cm.

- Cổng: Rộng khoảng 4m; tháo dỡ cánh cổng hiện trạng thay thế bằng cánh cổng inox điện tử mới theo yêu cầu sử dụng;

- Tường rào hoa sắt: Chiều dài khoảng 31,25m; bóc bỏ khoảng 20% diện tích lớp vữa trát chân, trụ tường rào; trát lại bằng vữa xi măng mác 50 đối với tường, mác 75 đối với trụ; lăn sơn trực tiếp 03 nước; phần hoa sắt được cạo bỏ toàn bộ lớp gỉ sét, lăn sơn lại bằng sơn tổng hợp 03 nước chống gỉ mới; dỡ bỏ phần ốp tường trang trí hiện trạng, ốp lại bằng gạch thẻ mới;

- Sửa chữa rãnh thoát nước trước nhà lớp học (*nhà B*): Tháo dỡ, thay thế khoảng 47 tấm đan nắp rãnh bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*);

- Bậc lên xuống ngoài nhà (*03 vị trí*): Bóc dỡ lớp vữa xi măng mặt bậc, cô bậc, chiếu nghỉ khu vực bậc lên xuống hiện trạng; ốp, lát lại bằng đá granite mới; bổ sung lan can inox bảo vệ cho bậc lên xuống số 2, số 3;

- Sửa chữa hè phía sau nhà lớp học (*nhà A*): Diện tích 42m², bóc dỡ lớp bê tông hè đã bong tróc; đổ lại bê tông hè bằng bê tông cấp độ bền B12,5 (*mác 150*);

- Sửa chữa bồn cây xanh số 1, số 2, số 3: Dỡ bỏ phần bó vỉa bồn cây bị hư hỏng thuộc bồn cây số 1, số 2; bổ sung phần bó vỉa bồn cây số 3; bó vỉa bồn cây có cấu tạo: Móng đệm bê tông cấp độ bền B7,5 (*mác 100*). thành xây bằng gạch vữa xi măng mác 50; ốp, lát lại thành bồn và mặt bồn bằng đá granite.

8.2.4. *Các nội dung, chi tiết khác:* Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm định.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. *Số bước thiết kế:* 01 bước.

9.2. *Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu*

9.2.1. *Quy chuẩn:*

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCXDVN 05-2008/BXD: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;
- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng;
- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

9.2.2. Tiêu chuẩn:

- TCVN 8794-2011: Trường trung học-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4732-2007: Đá ốp, lát đá tự nhiên;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất-thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- Bộ tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;
- TCVN 8053-2009: Tấm lợp dạng sóng- Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt;
- TCVN 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5928-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- Tiêu chuẩn IEC 60364: Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;
- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13456-2022: Phòng cháy chữa cháy-phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn-yêu cầu thiết kế, lắp đặt;

- TCVN 7435-1-2004: Phòng cháy chữa cháy-bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy -phần 1: Lựa chọn và bố trí;
- TCVN 7026-2013: Chữa cháy-bình chữa cháy xách tay-tính năng và cấu tạo;
- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- TCVN 13606-2023: Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;
- Bộ TCVN 7305-2008: Hệ thống ống nhựa-ống Polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước;
- TCVN 333-2005: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ - phần 2 cửa kim loại;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 4.500.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	3.872.830.556	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	121.325.219	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	350.874.964	đồng;
- Chi phí khác	68.636.726	đồng;
- Chi phí dự phòng	86.332.535	đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Theo Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách nhà nước	Tổng cộng
-----	--------------------	-----------

2025	4.500,0	4.500,0
------	---------	---------

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trường THPT Sông Mã (*chủ đầu tư*):

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung, quy trình, kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt dự án.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND huyện Sông Mã; Hiệu trưởng Trường THPT Sông Mã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IX; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT; NC, TH, KGVX, Bắc. 05 bản chính.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân